

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 1/2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	1			
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		16,686,471,472	16,668,714,081
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16,603,508,367	16,580,984,338
1. Tiền	111		566,913,668	47,842,521
2. Các khoản tương đương tiền	112		16,036,594,699	16,533,141,817
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18,295,000	21,535,193
1. Phải thu của khách hàng	131		18,295,000	17,385,193
5. Các khoản phải thu khác	135			4,150,000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64,668,105	66,194,550
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		64,668,105	66,194,550
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		16,686,471,472	16,668,714,081
A – NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		45,107,860	33,456,250
I. Nợ ngắn hạn	310		45,107,860	33,456,250
5. Phải trả người lao động	315		6,678,635	8,706,250
6. Chi phí phải trả	316		37,125,000	24,750,000
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1,304,225	
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16,641,363,612	16,635,257,831
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25,000,000,000	25,000,000,000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(8,358,636,388)	(8,364,742,169)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		16,686,471,472	16,668,714,081

Người lập biểu



Nguyễn Văn Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Anh

Lập ngày 15 tháng 04 năm 2017



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Kim Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
QUÝ 1 NĂM 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	QI-2017	QI-2016	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối Quý I-2017	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối Quý I-2016
1. Doanh thu	1	VI.28	53,965,807	82,661,309	53,965,807	82,661,309
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.29	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=1-2)	10		53,965,807	82,661,309	53,965,807	82,661,309
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		53,965,807	82,661,309	53,965,807	82,661,309
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.31	1,167,882	1,128,986	1,167,882	1,128,986
7. Chi phí tài chính	22	VI.32				
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		47,501,463	84,474,091	47,501,463	84,474,091
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25)	30		7,632,226	(683,796)	7,632,226	(683,796)
13. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		7,632,226	(683,796)	7,632,226	(683,796)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	QI-2017	QI-2016	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối Quý I-2017	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối Quý I-2016
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.33	1,526,445	-	1,526,445	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.34				-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		6,105,781	(683,796)	6,105,781	(683,796)
17. Lãi trên cổ phiếu			0.24	(0.03)	0.24	(0.03)

Lập ngày 15 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Anh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Anh

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Kim Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
QUÝ 1 NĂM 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	1			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01			
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa	02			
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(22,563,520)	(75,000,000.00)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		53,056,000	105,252,000.00
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(9,136,333)	(9,711,591.00)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21,356,147	20,540,409
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	2			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,167,882	1,128,986.00
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,167,882	1,128,986
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	3			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		22,524,029	21,669,395
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16,580,984,338	16,686,420,263

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	16,603,508,367	16,708,089,658

Lập ngày 15 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu

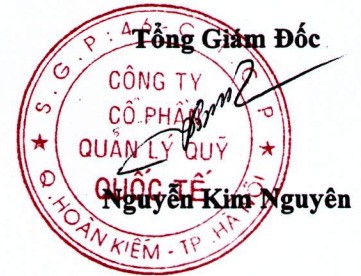


Nguyễn Văn Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Anh



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Kim Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Quốc Tế (sau đây gọi tắt là " công ty") tiền thân là công ty CP quản lý quỹ An Phú được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015273 do sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2006, giấy phép hoạt động số 17/UBCK - GPĐQLQ ngày 29/12/2006, giấy phép bổ sung số 240/QĐ- UBCK ngày 02/04/2007, giấy phép điều chỉnh số 19/UBCK- GPĐC ngày 18/08/2008 và giấy phép điều chỉnh số 55/UBCK - GPĐC ngày 04/09/2009, giấy phép điều chỉnh số 61/UBCK- GPĐC ngày 01/02/2010 và giấy phép điều chỉnh số 20/UBCK- GPĐC ngày 27/10/2011.. Theo giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC -UBCK do UB chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/08/2012 đổi tên Công ty CP quản lý quỹ An Phú thành công ty CP quản lý quỹ Quốc Tế. Vốn điều lệ của công ty là: 25,000,000,000 VNĐ (Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn)

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán

Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho công ty cổ quản lý quỹ ban hành theo thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức số kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc, Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn (phân bổ không quá 2 năm);
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiền hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.
Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu của công ty chủ yếu là doanh thu được ghi nhận từ các hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có kỳ hạn, được ghi nhận trên cơ sở lãi suất của hợp đồng và thời gian phát sinh trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

V . Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên
Bảng Cân đối kế toán và Báo cáo Kết quả kinh doanh

1 . TIỀN	Đầu kỳ VNĐ	Cuối kỳ VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	47,842,521	566,913,668
Tiền gửi ngân hàng	16,533,141,817	16,036,594,699
Cộng	16,580,984,338	16,603,508,367
	0	0
3 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	Đầu kỳ VNĐ	Cuối kỳ VNĐ
Phải thu hoạt động tư vấn	17,385,193	18,295,000
Cộng	17,385,193	18,295,000
	0	0
4 . TÀI SẢN NGẮN HẠN	Đầu kỳ VNĐ	Cuối kỳ VNĐ
Tạm ứng		
<i>Ký cược, ký quỹ</i>	4,150,000	0
Cộng	4,150,000	0
5 . PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG	Đầu kỳ	Cuối kỳ
<i>- Phải trả công nhân viên</i>	8,706,250	6,678,635
Cộng	8,706,250	6,678,635
6 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ	Đầu kỳ	Cuối kỳ
Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long - TDK	24,750,000	37,125,000
Cộng	24,750,000	37,125,000
	0	0
7 . VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu		<i>Đơn vị tính: VND</i>
8 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC		
<i>- Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	0	1,304,225
<i>Phải trả bảo hiểm xã hội</i>		
Cộng	0	1,304,225
9 . DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	VNĐ	VNĐ
Doanh thu phí quản lý tài sản	248,549,832	53,965,807
Cộng	248,549,832	53,965,807
	0	0
10 . Chi phí hoạt động tài chính	Đầu kỳ VNĐ	Cuối kỳ VNĐ
Chi phí khác (*)	7,752,088	1,167,882
Cộng	7,752,088	1,167,882
	0	0
11 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Đầu kỳ VNĐ	Cuối kỳ VNĐ

- Chi phí nhân viên quản lý	239,200,000	26,448,580
- Thuế, phí lệ phí	3,000,000	3,000,000
- Chi phí khác	63,600,546	18,052,883
Cộng	305,800,546	47,501,463
	0	0
12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	Đầu kỳ	Cuối kỳ
	VNĐ	VNĐ
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	-75,313,171	6,105,781
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-75,313,171	6,105,781
- Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	2,500,000	2,500,000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>-30</u>	<u>2</u>
	0	0

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

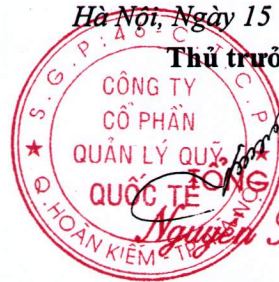
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Kế toán trưởng



Hà Nội, Ngày 15 tháng 4 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Kim Nguyễn

